

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị M với anh L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc sử;

Ông Trần Anh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 116/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Thân Ngọc M, sinh năm 1993. (có mặt);

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993. (vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thân Ngọc M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 27/11/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, chị và anh L có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh L ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L có quan hệ bất chính và chơi cờ bạc, nợ nần nhiều, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/6/2015, Nguyễn Đăng Kh1, sinh ngày 25/7/2022, hiện chị đang nuôi hai con. Nay chị nhận nuôi hai con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con với mức

1.500.000 đồng cho 01 con/tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2023 và những lời khai tiếp theo, anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị M về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có nợ nần nhiều người. Sau tết nguyên đán năm 2023 thì chị M đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh đã nhiều lần khuyên bảo, động viên chị M về đoàn tụ nhưng chị M không về, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/6/2015, Nguyễn Đăng Kh1, sinh ngày 25/7/2022, hiện chị M đang nuôi con. Nếu phải ly hôn, anh nhận nuôi con Khánh, để chị M nuôi con Khoa. Anh xác định có đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giao cho chị M nuôi hai con thì anh đồng ý cấp dưỡng với mức 1.500.000 đồng/01 con/01 tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh L vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, nhưng chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu còn chậm, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M, xử:

Cho chị Thân Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: giao cho chị M nuôi hai con, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/01 con/01 tháng.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị M xin ly hôn với anh L và tranh chấp về nuôi con, anh L có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Thân Ngọc M kết hôn cùng anh Nguyễn Văn L ngày 27/11/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh L có quan hệ bất chính và anh L chơi bời và nợ nần nhiều, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh L. Anh L cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân, nay anh không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử thấy chị M và anh L đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh L đều thể hiện vợ chồng chị M, anh L có xảy ra mâu thuẫn và có thời gian ly thân. Nay anh L không nhất trí ly hôn với chị M, nhưng kể từ thời điểm vợ chồng ly thân cho đến nay, anh L không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy vợ chồng chị M, anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho chị M được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị M và anh L có 02 con chung là Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/6/2015, Nguyễn Đăng Kh1, sinh ngày 25/7/2022, hiện chị M đang nuôi con. Nay chị M nhận nuôi 02 con, còn anh L nhận nuôi con Khánh, để chị M nuôi con Khoa. Chị M xác định chị đang làm nhân viên hành chính tại Công ty, có thu nhập hàng tháng từ 11.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, thời gian làm việc theo giờ hành chính và chị đang ở cùng bố mẹ, nên có đủ điều kiện để nuôi con. Anh L cũng xác định đang làm việc tại Công ty Năng lượng xanh tại Từ Sơn, Bắc Ninh thu nhập trung bình là 16.000.000 đồng/tháng, anh xác định đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, kể từ thời điểm ly hôn đến nay, chị M là người trực tiếp nuôi 02 con, khi chị M nuôi con thì bố mẹ chị M đã giúp chị M cùng chăm sóc các cháu, các cháu phát triển tốt. Đối với anh L, hiện

anh L đang làm xa nhà và bố mẹ của anh L sức khỏe yếu nên không hỗ trợ anh L chăm sóc các con được. Như vậy, điều kiện nuôi con của chị M tốt hơn anh L. Mặt khác, hiện cháu Khánh đang học tại Trường tiểu học Nguyễn Hồng, cháu Khánh trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu Khoa chưa đủ 36 tháng tuổi. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung khi ly hôn, cần giao cho chị M nuôi hai con là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị M yêu cầu anh L cấp dưỡng với mức 1.500.000 đồng/01 con/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh L cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị M, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 khoản 5 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Thân Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: giao cho chị Thân Ngọc M nuôi 02 con Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/6/2015, Nguyễn Đăng Kh1, sinh ngày 25/7/2022. Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 1.500.000 đồng/01 con/ 01 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Thân Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0004800 ngày 30/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện T. Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy